

V/v Kế hoạch vận hành lưới điện  
tháng 11/2024.

Kính gửi: Tổng công ty Điện lực miền Nam

Căn cứ Điều 70 Thông tư 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công thương Quy định hệ thống điện phân phối;

Căn cứ tình hình vận hành tháng 10/2024, Công ty Điện lực Tây Ninh ban hành kế hoạch vận hành lưới điện tháng 11/2024 như sau:

## I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN THÁNG 10/2024

### 1. Ước sản lượng điện nhận tại các trạm 110kV

Tháng	2024 kWh	So sánh			
		Cùng kỳ năm 2023		Tháng trước	
		kWh	%	kWh	%
10	560.418.752	45.676.303	8,87	29.763.255	5,61
<b>Lũy kế năm</b>	<b>5.451.961.030</b>	<b>804.838.608</b>	<b>17,32</b>		

(Ghi chú: Điện nhận bao gồm nhận từ các trạm 110/22kV bao gồm các trạm Thuận Lợi, Gia Lộc và FICO, chưa tính điện nhận MTMN).

Tháng 10/2024 ước sản lượng điện nhận tại các trạm 110kV đạt 560.418.752kWh, sản lượng điện nhận bình quân ngày đạt 18.078.024kWh; tăng 8,87% so với tháng 10/2023 và tăng 5,61% so với tháng 9/2024.

- Ước công suất max trong tháng 10/2024 là 933,94MW (có công suất ĐMTMN), tăng 7,89% so với cùng kỳ năm 2023 (865,625MW), tại thời điểm max của tỉnh thì  $P_{PCTN}$  là 746,13MW,  $P_{KH 110kV}$ : 187,81MW).

- Ước Pmax khách hàng 110kV tháng 10/2024 là 199,74MW (không trùng thời điểm MAX toàn tỉnh).

- Ước công suất min trong tháng 10/2024 là 512,59MW, giảm 1,57% so với cùng kỳ năm 2023 (520,74MW)

### 2. Sự cố lưới điện:

2.1) Lưới 110kV: Trong tháng không xảy ra sự cố lưới 110kV.

Nội dung	Số vụ KD	Số vụ TQ	Số vụ MBA
Thực hiện tháng	00	00	00
<b>TH lũy kế</b>	<b>00</b>	<b>00</b>	<b>00</b>

2.2) Lưới 22kV: Trong tháng xảy ra 11 vụ sự cố kéo dài và 03 vụ thoáng qua sau máy cắt đầu nguồn.

STT	Nội dung	ĐV tính	Thực hiện tháng	LK quý IV	Ghi chú
<b>Sự cố lưới 22kV theo phương án 1 (ngăn lộ)</b>					
a	Sự cố kéo dài	lần	11	11	
b	Sự cố thoát qua	lần	03	03	
c	Sự cố trạm biến áp phân phối	lần	0	0	

### 3. Tình hình vận hành lưới:

- **Đường dây 110kV:** Ở chế độ kết lưới cơ bản không xảy ra tình trạng đầy tải quá tải.

- **TBA 110/22kV:** Không có.

- **Lưới 22kV:** Không có.

### 4. Ước chỉ số độ tin cậy cung cấp điện

Nội dung		Ước thực hiện tháng 10/2024	LK năm 2024	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
<b>Phân phối</b>	MAIFI (Lần)	0,32	1,56	<b>2,4</b>	
	SAIDI (Phút)	29,65	198,98	<b>250,0</b>	
	SAIFI (Lần)	0,25	1,55	<b>2,34</b>	

### 5. Tình hình huy động nguồn điện:

STT	NMD	Pmax tháng (MW)	Lũy kế năm 2024 (MW)
1	Thủy điện DO1	1,076	1,076
2	Thủy điện CS2	1,298	1,327
3	ĐMTMN	156,4	179,7

## II. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN THÁNG 11/2024

### 1. Dự kiến sản lượng điện nhận tháng tại các trạm 110kV.

+ Dự kiến sản lượng điện nhận tháng: **548.872.858 kWh.**

+ Dự kiến sản lượng bình quân ngày: **18.295.762 kWh.**

+ Dự kiến sản lượng Max ngày: **19.200.000 kWh.**

### 2. Dự kiến công suất.

+ Dự kiến công suất trung bình ngày: **780 MW.**

+ Dự kiến công suất Max ngày: **954,5 MW.**

### 3. Dự kiến thực hiện Độ tin cậy:

Hạng mục	Chỉ số	KH Tháng	Ghi chú
Phân phối	MAIFI	0,15825	
	SAIDI	17,17702	
	SAIFI	0,14829	

**4. Kế hoạch huy động nguồn trên địa bàn:**

- **Thủy điện:** Khai thác theo lưu lượng nước về;
- **Điện mặt trời:** Khai thác theo bức xạ nhiệt mặt trời và theo phân bổ của Tổng Công ty Điện lực miền Nam.

**5. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa tháng 11/2024:** Theo phụ lục 1, 2 đính kèm.

Trên đây là tình hình vận hành lưới điện trong tháng 10/2024 và kế hoạch vận hành tháng 11/2024 của Công ty Điện lực Tây Ninh.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban GD Công ty;
- Các phòng KT, ĐĐ, KD;
- Xí nghiệp LĐCT Tây Ninh;
- Phòng VTCNTT (để cập nhật trên Website);
- Các Điện lực;
- Lưu: VT, P.ĐĐ (Trình).

**Đính kèm:**

- Phụ lục bảo dưỡng, sửa chữa tháng 11/2024.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Thanh Liêm**